

MỘT SỐ PHÁT HIỆN MỚI VỀ THỰC VẬT TRONG HỌ GỪNG Ở NGHỆ AN BỔ SUNG CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM

■ Đỗ Ngọc Đài⁽¹⁾, Lê Thị Hương⁽²⁾, Nguyễn Việt Hùng⁽³⁾,
Phạm Hồng Ban⁽²⁾, Nguyễn Thanh Nhân⁽⁴⁾, Nguyễn Danh Hùng⁽⁵⁾

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghệ An có 1 Vườn quốc gia (VQG Pù Mát) và 2 Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN Pù Huông và Pù Hoạt) với nguồn tài nguyên động thực vật phong phú và đa dạng. Hiện nay, ở Nghệ An đã xác định được hơn 3.000 loài thực vật bậc cao có mạch, trong đó có hơn 1.000 loài được sử dụng làm thuốc. Tuy nhiên, vẫn còn có nhiều loài chưa được nghiên cứu và phát hiện. Trong quá trình điều tra, nghiên cứu hệ thực vật ở các vùng sinh thái khác nhau của Nghệ An, nhóm nghiên cứu đã phát hiện và bổ sung các loài mới cho hệ thực vật Việt Nam.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

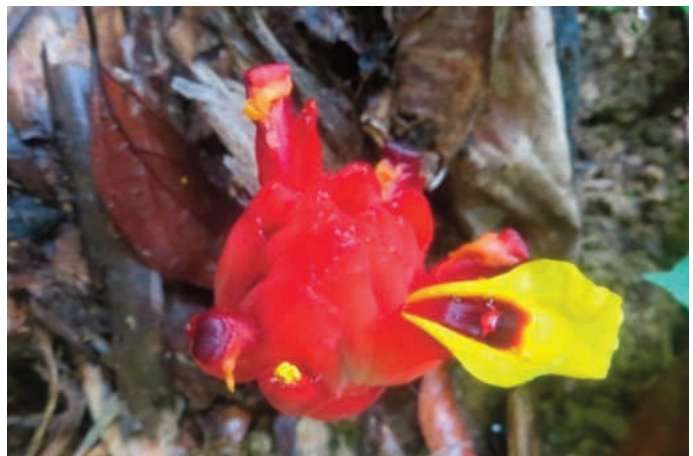
Trong quá trình nghiên cứu về hệ thực vật ở các vùng khác nhau của Nghệ An, đã phát hiện và bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam 05 loài là Ớt linh vân nam, Gừng lá sáng bóng, Riêng nhiều hoa, Gừng tím, Gừng quả trần.

1. Ớt linh vân nam (*Etilingera yunnanensis* (T. L. Wu & S. J. Chen) R. M. Smith)

- Mô tả: Cây thân giả mọc thành cụm, cao 2-3m. Lưỡi lá nguyên, hình trứng, dài 1-1,5cm; cuống lá dài 5mm; phiến lá nhẵn, hình lưỡi mác, kích thước 50-60 × 5,5-7cm. Cụm hoa rất ngắn, phát sinh từ thân rễ, nằm ngay sát mặt đất, hoa nhiều, màu đỏ, các hoa xếp theo vòng tròn đồng tâm có 6 hoa nở cùng lúc; lá bắc màu đỏ, hình trứng, kích thước 2,5-3 × 2-3cm; lá bắc con hình ống, kích thước 2,7cm x 7mm. Đài kích thước 3,5-4cm, phía trên xẻ 3 thùy. Tràng ngắn hơn

đài hoa. Cánh môi dính với chỉ nhị làm thành dạng ống, phần tự do kích thước 2,5-3cm, phía trên xẻ làm 2, ở giữa màu tím, 2 mép màu vàng. Nhị có phần chỉ nhị tự do có kích thước 5mm. Bao phấn 6-8mm. Bầu có kích thước 5mm, có lông mịn. Nhụy phẳng. Bao nang xoắn, kích thước 2,5-3cm, nhiều lông mịn.

- Sinh học và sinh thái: Ra hoa tháng 5-6, ra quả từ tháng 7-10. Sống ven rừng, ven suối, sườn đồi nơi ẩm, nhiều mùn, ở độ cao 400-600m.



Ớt linh vân nam

- Phân bố: Mới ghi nhận ở Nghệ An (Pù Mát: Khe Kèm). Còn có ở Trung Quốc.

2. gừng lá sáng bóng (*Zingiber nittens* M.F. Newman)

- Mô tả: Cây cao 0,65-1,5m, thân giả có đường kính khoảng 1-1,2cm, bẹ lá màu xanh đen, đặc biệt là những lá ở phía dưới, có lông thô màu trắng, lưỡi lá dài 3-5mm, khi còn non xanh mờ, nhưng sớm trở sang nâu, đặc biệt là ở hai bên mép. Cuống lá mỏng nước màu xanh nhạt, phiến lá hình bầu dục hẹp, cỡ 18-25 x 2-3cm, nhẵn và sáng bóng, đặc biệt là gân, đáy phiến lá tròn, đỉnh thuôn nhọn. Cụm hoa mọc trên ngọn, thẳng đứng, hình chùy, cỡ 9-13 x 1,3-2cm, hình trụ hay hình thoi, cụm hoa mang 9-15 lá bắc, mỗi lá bắc con mang 3-4 hoa, kích thước 3,5 x 3,3cm, bóng, xanh đậm, nhẵn, bề mặt có vài tuyến dầu, đỉnh nhọn, hoa đầu tiên của cụm hoa không có lá bắc, hoa tiếp theo có lá bắc hình thuyền, mở đến đáy, kích thước cỡ 2 x 0,65cm, mờ đục ở đáy, màu xanh ở đáy, nhẵn. Đài hoa hình ống, cỡ 1,3-1,6 x 0,4cm, đục mờ, nhẵn, xẻ sâu 1 bên, phiến trên chia thành hai răng ngắn, ống tràng dài 3,0-3,1cm, hơi rộng về phía đỉnh, gốc cánh hoa màu trắng, ở đỉnh màu vàng nhạt, các thùy bên màu vàng nhạt, nhẵn, hình gần tam giác, cỡ 1,9-2,1 x 0,6cm, cánh môi hình elip có kích thước 1,8 x 1,1-1,25cm, màu tối với những điểm nhỏ màu vàng và mảng màu vàng ở giữa. Chỉ nhị dài 0,25-0,3 x 0,3cm, màu vàng, bao phấn 0,11 x 4mm, mào bao phấn dài 0,9-1cm, vòi nhụy màu trắng nẫn, núm nhụy trắng, tròn, chỉ hơi rộng hơn vòi nhụy, bầu hình trụ, cỡ 0,35 x 0,25cm, nhẵn, ba ô không rõ ở đáy, cụm hoa dài cỡ 10cm.

- Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 5-7; mùa quả tháng 6-11. Cây gặp ở trong rừng nguyên sinh, rừng thứ sinh, dưới tán rừng ẩm, ven suối ở độ cao 300-900m.

- Phân bố: Mới ghi nhận ở Nghệ An (VQG Pù Mát: Khe Kèm, Khe Bu; KBTTN Pù Huông: Bình Chuẩn; KBTTN Pù Hoạt: Hạnh Dịch, Châu Thôn; Kỳ Sơn: Nậm Càn), Hà Tĩnh (Vũ Quang: Dốc Dẻ; Hương Sơn: Khe Nước Sốt). Còn có ở Lào.

- Giá trị sử dụng: Toàn cây cho tinh dầu,



Gừng lá sáng bóng



Riềng nhiều hoa

hàm lượng tinh dầu ở lá, thân giả và thân rễ tương ứng là 0,23; 0,19 và 0,3% trọng lượng tươi.

3. Riềng nhiều hoa (*Alpinia polyantha* D. Fang)

- Mô tả: Thân rễ giả cao đến 6m. Lưỡi lá xẻ làm 2, cỡ 1-2cm, nhiều lông, cuống lá dài 1-9cm, nhiều lông, phiến lá hình mác hay hình elip, cỡ 15-25 x 80-100cm, nhẵn hoặc ít lông, đáy lá hình nêm, đỉnh nhọn. Cụm hoa hình chùy, dài đến 60cm, phân nhánh nhiều, nhánh có kích thước 0,5-3cm, mỗi nhánh mang 5-8 hoa, lá bắc lớn, thuôn dài hình mác, cỡ 5,5-27cm, lá bắc hình mác cỡ 1,2 x 0,37cm, đài màu đỏ, kích thước cỡ 0,9-1,4cm, xẻ sâu xuống một bên, phía trên chia ba thùy, ống tràng bằng đài, thuôn dài 1,4-1,7cm, nhị lép bên màu đỏ, hình dùi, dài khoảng 0,6cm. Cánh môi có kích thước 2,3 x 1,8-2,2cm, ở giữa màu vàng nhạt, với 1 vài sọc màu tím ở cả hai bên gần phía đáy, phía trên



Gừng tím



Gừng quả trần

nhọn, xẻ làm 2. Nhị cao gần 2cm, bao phấn cỡ 8-9mm. Bầu nhiều lông, hình cầu, kích thước 0,9-1,4cm. Quả hình cầu, khi chín màu đỏ, cỡ 1,2 x 1,5cm.

- Sinh học và sinh thái: Cây ra hoa tháng 4-6, có quả tháng 5-9. Mọc rải rác trong rừng thứ sinh, rừng hỗn giao tre nứa, dưới tán rừng, ven suối ẩm ở độ cao 200-800m.

- Phân bố: Loài mới phát hiện cho hệ thực vật Việt Nam: Kỳ Sơn (Nậm Càn), Quế Phong (Hạnh Dịch, Châu Thôn, Châu Kim), Con Cuông (Pù Huông: Bình Chuẩn). Còn có ở Trung Quốc.

- Giá trị sử dụng: Rễ, quả dùng làm thuốc. Lá, hoa, quả, rễ cho tinh dầu.

4. Gừng tím (*Zingiber ottensii* Valet)

- Mô tả: Cây thân thảo, cao 1-2m, thân có màu tím, đường kính 1,5-2,5cm, có 18-25 lá. Phiến lá hình elip,

cỡ 36-43 × 6-7,5cm, mặt trên lá có màu xanh, nhẵn nhưng mặt dưới có màu hơi tím có lông mịn, đáy phiến lá tù, bất đối xứng, mũi lá nhọn, cuống lá rất ngắn, cỡ 3-4 mm, có rất nhiều lông. Lưỡi lá dài hơn rất nhiều so với cuống lá, cỡ 1,3-1,5cm, dạng màng, có nhiều lông, có nhiều chấm đỏ. Cụm hoa mọc từ thân rễ, dạng bông, thẳng đứng, cỡ 27-45cm, có 2-3 hoa cùng nở trong một thời gian, phần cuống, cỡ 25-29 × 1,2-1,3cm, phần mang hoa cỡ 12-15 × 4,5-4,8cm; lá bắc bao lấy từng hoa, kích thước 36-38 × 30-32mm, phần phía dưới nhỏ hơn phía trên, phía trên hơi tù, có màu đỏ hoặc màu đỏ tía, có lông, bên trong nhẵn, nguyên hoặc xẻ. Hoa có kích thước 6,3-6,5cm, đài hoa dạng ống, cỡ 20-22 × 7-8mm, màu trắng, không có lông, đỉnh nhọn, ống tràng dài 40-42mm, màu vàng nhạt; thùy lưng nhỏ hẹp, cỡ 21-22 × 7-8mm; cánh môi hình thuôn, cỡ 24-26 × 18-20mm, màu vàng, phía trên xẻ 3 thùy, 2 thùy bên gần bằng nhau, thùy giữa to nhất, đỉnh tròn. Nhị lép bên dạng trứng ngược, cỡ 17-18 × 8-9mm, gắn trực tiếp vào cánh môi đến ½ kích thước của nó, có màu vàng nhạt, đôi khi có các vết đỏ nâu. Nhị cỡ 24-25mm; chỉ nhị rất ngắn; bao phấn cỡ 11-12 × 5-6mm, nhẵn; mào bao phấn dài 10-11mm, bao quanh núm nhụy, màu vàng, nhẵn. Vòi nhụy dài 65mm, trắng, nhẵn, núm nhụy cỡ 1-2 × 0,8mm, màu trắng; bầu cỡ 5-6 × 5mm, màu kem, có lông.

- Phân bố: Ở Việt Nam mới gặp Nghệ An (Na Ngoi), Quảng Nam (A Vương), Quảng Ngãi. Còn có ở Borneo, Java, Peninsular Malaysia, Sumatra, Thailand. Mùa hoa tháng 7-10.

- Sinh học và sinh thái: Phân bố ở rừng thứ sinh, ven đường, được trồng ở vườn nhà.

- Giá trị sử dụng: Được người dân địa phương sử dụng làm thuốc như loài Riêng nếp (*Alpinia galanga* Willd.).

5. Gừng quả trần (*Zingiber nudicarpum* D. Feng)

- Mô tả: Thân rễ, cao đến 2,8m, tập trung thành cụm, mỗi cụm có khoảng 6 thân. Thân có sự phân nhánh, đường kính 1-3,3cm, phần gốc thân phình to, cỡ 3,5cm;

khi còn non thân có màu hơi trắng, khi trưởng thành và già có màu nâu, mang từ 20-23 lá. Bẹ lá có màu xanh sẫm hay tím, phía dưới hầu như không lông, nhưng phần gần cuống thì có lông; lưỡi lá ngắn, cỡ 3-4mm, màu trắng hoặc trắng đỏ, có lông, xếp làm 2, đỉnh tròn; cuống lá dài 4-5mm, có lông trắng, phiến lá hình elip hoặc hình thuôn, cỡ 30-42 × 7,2-8,5cm, đáy phiến lá hơi tù, mũi lá hơi nhọn, mặt trên xanh bóng và nhẵn, còn mặt dưới xanh nhạt và có ít lông. Cụm hoa mọc từ thân rễ, thẳng đứng, cỡ 20-35cm, trong đó phần cuống cụm hoa cỡ 15-25 x 1,5cm, còn phần mang hoa cỡ 5-10cm, phía ngoài có lông; lá bắc lớn dạng thuôn hay trứng, cỡ 55-62 × 30-53mm, phía ngoài có màu đỏ tươi hay hồng, có lông; bên trong đỏ nhạt, nhẵn; phía đỉnh tròn hay tù, hay hơi đỏ. Lá bắc con cỡ 32-35mm, hình thuôn trứng thuôn hẹp, phía gốc có màu đỏ nhạt, đỉnh nhọn, có ít lông. Đài hoa dạng ống, màu trắng, cỡ 35-38mm, nhẵn; phần ống hoa cỡ 45-57mm, màu hơi vàng ở phía trên còn phía dưới thì có màu trắng, nhẵn ở phía ngoài, phía trong có ít lông ở phần trên, thùy sau hình trứng hẹp, cỡ 35-41mm, có màu vàng kem, nhẵn; thùy trước cũng có hình trứng hẹp, cỡ 26-32mm, nhẵn.

Chú thích

- (1) Khoa Nông Lâm Ngư, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An
- (2) Khoa Sinh học, Trường Đại học Vinh
- (3) Sở Khoa học và Công nghệ Nghệ An
- (4) Sở Nội vụ Nghệ An
- (5) Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hoạt

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Hoàng Hộ, *Cây cỏ Việt Nam*, Nxb. Trẻ Tp Hồ Chí Minh, 2000.
2. Đỗ Ngọc Đài, Nguyễn Thanh Nhân, Phạm Hồng Ban, Lý Ngọc Sâm (2015), *Etilingera yunnanensis* (T. L. Wu & S. J. Chen) R. M. Sm. (Zingiberaceae) loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, 31(4S): 35-38.
3. Nguyễn Việt Hùng, Lê Thị Hương, Đỗ Ngọc Đài, Lý Ngọc Sâm, Nguyễn Trung Thành (2017), *Bổ sung loài Gừng sáng bóng (Zingiber nitens M. F. Newman) (Zingiberaceae) cho hệ thực vật Việt Nam*, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội (nhận đăng).
4. Lê Thị Hương, Trần Thế Bách, Nguyễn Quốc Bình, Lý Ngọc Sâm (2015), *Bổ sung loài Riềng nhiều hoa (Alpinia polyantha D. Fang) cho hệ thực vật Việt Nam*, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, 31(4S): 35-38.
5. Ly Ngọc Sâm, Dang Van Son, Do Dang Giap, Truong Ba Vuong, Do Ngoc Dai, Nguyen D. Hung (2017), *Zingiber nudicarpum* D. Fang (Zingiberaceae) a new record for Vietnam, *Bioscience Discovery*, 8(1): 01-05.
6. Ly Ngọc Sâm, Truong Ba Vuong, Le Thi Huong (2016), *Zingiber ottensii* Valetton (Zingiberaceae) a newly recorded species for Vietnam, *Bioscience Discovery*, 7(2): 93-96.
7. Wu T., L. K. Larsen. Family Zingiberaceae. In Z.-G. Wu and P. H. Raven [eds.], *Flora of China*, vol. 24, 322-377. Science Press, Beijing, China, and Missouri Botanical Garden Press, St. Louis, Missouri, USA, 2000.

Cánh môi cỡ 30-35mm, phía trên chia 3 thùy, thùy giữa rộng hơn hai thùy bên, có hình tam giác; phần phía dưới cùng có màu vàng nhạt, phía trên có màu tím. Nhị lép bên cỡ 26-28mm, gắn vào phần cánh môi khoảng 1/2-1/3 chiều dài, có màu trắng kem, phía trên có màu tím hoặc đỏ tím. Nhị cỡ 24-29mm, chỉ nhị chỉ cỡ 1,5-2mm, bao phấn cỡ 20-22 × 4-6mm, có mào bao phấn, cỡ 10-13mm, nhẵn. Vòi nhụy dài cỡ 85mm, màu trắng với các chấm đỏ ở phía trên; núm nhụy cỡ 2-3 × 0,4mm, trắng; bầu nhụy cỡ 5-8 × 5mm, hình cầu, màu trắng, có lông thưa thớt. Quả khi non màu trắng, nhẵn, kích thước 14-16 x 8-13mm.

- Phân bố: Mới thấy ở Nghệ An (Pù Hoạt, Pù Huống), Quảng Bình (Phong Nha - Kẻ Bàng), Thừa Thiên Huế (Bạch Mã, Nam Đông), Quảng Ngãi. Còn có ở Lào, Campuchia, Thái Lan và Trung Quốc.

- Sinh học và sinh thái: Phân bố ở chân đồi, núi, đồi, ven suối, trong rừng thứ sinh, núi đá vôi. Ra hoa từ tháng 4-8, ra quả từ tháng 5-9.

III. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu về thực vật ở các vùng khác nhau của Nghệ An đã bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam 05 loài thực vật là: Ét linh vân nam, Gừng lá sáng bóng, Riềng nhiều hoa, Gừng tím, Gừng quả trần. Kết quả này cho thấy được tính đa dạng khá cao của hệ thực vật Nghệ An nếu được nghiên cứu đầy đủ và chuyên sâu./.